# KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 XÃ HÀ BẮC

*(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày /12/2025 của HĐND xã Hà Bắc )*

| TT | Danh mục dự án, công trình | Tổng mức đầu tư cuối cùng hoặc tổng giá trị quyết toán | | | | | KHV năm 2025 | | | | | | | Kế hoạch năm 2026 | | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Thời gian KC-HT | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: Vốn NSĐP | | | Tổng | KHV đã giải ngân đến 15/12/2025 | | | KHV còn lại năm 2025 | | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: Vốn NSĐP | | | |
| | | | | Vốn hỗ trợ từ NS cấp trên | Tiền thu sử dụng đất | Nguồn vốn khác | | Vốn hỗ trợ từ NS cấp trên | Tiền thu sử dụng đất | Nguồn vốn khác | Vốn hỗ trợ từ NS cấp trên | Tiền thu sử dụng đất | Nguồn vốn khác | | Vốn hỗ trợ từ NS cấp trên | Tiền thu sử dụng đất | Nguồn vốn khác | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | | | | | 19 |
| **TỔNG SỐ** | | | **260,289** | **24,279** | **233,010** | **5,000** | **66,168** | **7,122** | **23,401** | **3,000** | **0** | **32,645** | **0** | **13,926** | **0** | **13,926** | **0** | |
| **A** | **CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ** | | **53,520** | **0** | **50,520** | **5,000** | **39,594** | **0** | **8,190** | **0** | **0** | **31,404** | **0** | **13,926** | **0** | **13,926** | **0** | |
| **I** | **Dự án nhận bàn giao** | | **934** | **0** | **934** | **0** | **881** | **0** | **0** | **0** | **0** | **881** | **0** | **53** | **0** | **53** | | |
| 1 | Công trình cải tạo trụ sở làm việc Đảng uỷ, HĐND-UBND xã Hồng Lạc | 2025-2026 | 934 | | 934 | | 881 | | | | | 881 | | 53 | | 53 | | |
| **II** | **Dự án triển khai thực hiện sau khi sắp xếp** | | **52,586** | **0** | **49,586** | **5,000** | **38,713** | **0** | **8,190** | **0** | **0** | **30,523** | **0** | **13,873** | **0** | **13,873** | **0** | |
| **1** | Công trình sửa chữa nhà lớp học và nhà vệ sinh trường Mầm Non Cẩm Chế | 2025-2026 | 950 | | 950 | | 940 | | | | | 940 | | 10 | | 10 | | |
| **2** | Công trình xây dựng, mở rộng nhà mái che trường tiểu học Việt Hồng | 2025-2026 | 654 | | 654 | | 643 | | | | | 643 | | 11 | | 11 | | |
| **3** | Công trình xây dựng, mở rộng nhà mái che trường trung học cơ sở Việt Hồng | 2025-2026 | 738 | | 738 | | 705 | | | | | 705 | | 33 | | 33 | | |
| **4** | Công trình nhà lớp học 3 tầng 9 phòng và các hạng mục phụ trợ trường tiểu học Cẩm chế | 2025-2026 | 13,913 | | 13,913 | | 6,596 | | | | | 6,596 | | 7,317 | | 7,317 | | |
| **5** | Công trình cải tạo sửa chữa trường tiểu học Hồng Lạc xã Hà Bắc, Thành Phố Hải Phòng. Hạng mục: Cải tạo sửa chữa khối nhà hiệu bộ 2 tầng; khu vệ sinh khối nhà 3 tầng 6 phòng | 2025-2026 | 3,331 | | 3,331 | | 2,888 | | 800 | | | 2,088 | | 443 | | 443 | | |
| **6** | Công trình nghĩa trang liệt sỹ xã Hà Bắc | 2025-2026 | 7,369 | | 7,369 | | 7,018 | | 1,921 | | | 5,097 | | 351 | | 351 | | |
| **7** | Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng và các hạng mục phụ trợ xung quanh Trường THCS Tân Việt, xã Hà Bắc | 2025-2026 | 18,367 | | 15,367 | 5,000 | 13,647 | | 4,519 | | | 9,128 | | 4,720 | | 4,720 | | |
| **8** | Công trình cải tạo trụ sở làm việc Đảng uỷ, HĐND-UBND xã Hồng Lạc. Hạng mục cải tạo nhà bảo vệ, nhà xe cán bộ, nhà xe công dân, kho, khu nghỉ lái xe | 2025-2026 | 1,066 | | 1,066 | | 1,052 | | | | | 1,052 | | 14 | | 14 | | |
| **9** | Công trình nhà đa năngvà phụ trợ xung quanh trường THCS Cẩm Chế, xã Hà Bắc | 2025-2026 | 6,198 | | 6,198 | | 5,224 | | 950 | | | 4,274 | | 974 | | 974 | | |
| **B** | **THỰC HIỆN DỰ ÁN (Dự án nhận bàn giao từ các xã cũ)** | | **206,769** | **24,279** | **182,490** | **0** | **26,574** | **7,122** | **15,211** | **3,000** | **0** | **1,241** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | |
| **I** | **Xã Hồng Lạc** | | **7,841** | **3,000** | **4,841** | **0** | **7,841** | **3,000** | **4,782** | **0** | **0** | **59** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | |

| TT | Danh mục dự án, công trình | Thời gian KC-HT | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: Vốn NSĐP | | | Tổng | KHV đã giải ngân đến 15/12/2025 | | | KHV còn lại năm 2025 | | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: Vốn NSĐP | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Vốn hỗ trợ từ NS cấp trên | Tiền thu sử dụng đất | Nguồn vốn khác | | Vốn hỗ trợ từ NS cấp trên | Tiền thu sử dụng đất | Nguồn vốn khác | Vốn hỗ trợ từ NS cấp trên | Tiền thu sử dụng đất | Nguồn vốn khác | | Vốn hỗ trợ từ NS cấp trên | Tiền thu sử dụng đất | Nguồn vốn khác | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | | | | | 19 |
| 1 | Công trình xây dựng trường mầm non xã Hồng Lạc khu B thôn Hải Hộ. Hạng mục: Các hạng mục phụ trợ | 2024-2025 | 7,782 | 3,000 | 4,782 | | 7,782 | 3,000 | 4,782 | | | | | | | | | Chưa phê duyệt quyết toán |
| 2 | Công trình xây dựng trường mầm non xã Hồng Lạc khu B thôn Hải Hộ. Hạng mục: Di chuyển đường điện, trồng cây sân trường | 2025 | 59 | | 59 | | 59 | | | | | 59 | | | | | | Chưa phê duyệt quyết toán |
| **II** | **Xã Cẩm Việt** | | **30,272** | **319** | **29,953** | **0** | **10,225** | **4,122** | **2,695** | **3,000** | **0** | **408** | **0** | **0** | **0** | **0** | | |
| **1** | Các hạng mục phụ trợ trường THCS Việt Hồng | 2017 | 910 | | 910 | | 27 | | | | | 27 | | | | | | Đã phê duyệt quyết toán |
| **2** | Sân rãnh quanh nhà lớp học 3T9P và móng NVS 2 tầng trường Tiểu học Việt Hồng | 2019 | 414 | | 414 | | 18 | | | | | 18 | | | | | | Đã phê duyệt quyết toán |
| **3** | Phần thân tầng 1 nhà vệ sinh 2 tầng trường Tiểu học Việt Hồng | 2019 | 438 | | 438 | | 19 | 19 | | | | | | | | | | Đã phê duyệt quyết toán |
| **4** | Phần thân tầng 2 nhà vệ sinh 2 tầng trường Tiểu học | 2019 | 453 | | 453 | | 20 | | | | | 20 | | | | | | Đã phê duyệt quyết toán |
| **5** | Sân bê tông và hệ thống tiêu thoát nước trường Tiểu học Việt Hồng | 2019 | 485 | | 485 | | 21 | | | | | 21 | | | | | | Đã phê duyệt quyết toán |
| **6** | Lát gạch nền sân và cải tạo đường vào trường Tiểu học Việt hồng | 2019 | 448 | | 448 | | 19 | | | | | 19 | | | | | | Đã phê duyệt quyết toán |
| **7** | Cải tạo trụ sở UBND xã Việt Hồng. Hạng mục: Nhà xe, nền sân và bồn hoa | 2021 | 319 | 319 | | | 319 | 319 | | | | | | | | | | Đã phê duyệt quyết toán |
| **8** | Cải tạo nghĩa trang liệt sỹ xã Việt Hồng. Hạng mục: Đài tưởng niệm | 2017 | 1,037 | | 1,037 | | 100 | 100 | | | | | | | | | | Đã phê duyệt quyết toán |
| **9** | Cải tạo mở rộng đường giao thông thôn Cổ Chẩm xã Việt Hồng (đoạn phía sau UBND xã) | 2020 | 757 | | 757 | | 1,265 | 1,265 | | | | | | | | | | Đã phê duyệt quyết toán |
| **10** | Cải tạo mở rộng đường giao thông nông thôn xã Việt Hồng | 2020 | 3,535 | | 3,535 | | 935 | 935 | | | | | | | | | | Đã phê duyệt quyết toán |
| **11** | Cải tạo bãi tập kết rác + đường vào bãi rác xã Việt Hồng | 2020 | 3,465 | | 3,465 | | 903 | 903 | | | | | | | | | | Đã phê duyệt quyết toán |
| **12** | Cải tạo mở rộng đường giao thông thôn Cổ Chẩm xã Việt Hồng | 2021 | 4,423 | | 4,423 | | 396 | 396 | | | | | | | | | | Đã phê duyệt quyết toán |
| **13** | Cải tạo, nâng cấp Nghĩa trang liệt sỹ xã Cẩm Chế | 2023-2024 | 4,975 | | 4,975 | | 185 | 185 | | | | | | | | | | Đã phê duyệt quyết toán |
| **14** | Nhà đa năng và phụ trợ xung quanh trường Tiểu học Cẩm Chế | 2024-2025 | 5,606 | | 5,606 | | 5,164 | | 2,164 | 3,000 | | | | | | | | Đã phê duyệt quyết toán |
| **15** | Lập quy hoạch chung xây dựng xã Việt Hồng | 2023 | 311 | | 311 | | 312 | | 121 | | | 191 | | | | | | Đã phê duyệt quyết toán |
| **16** | Lập quy hoạch chung xây dựng xã Cẩm Chế | 2023 | 379 | | 379 | | 379 | | 379 | | | | | | | | | Đã phê duyệt quyết toán |
| **17** | Sân vận động trung tâm xã Việt Hồng | 2017 | 2,317 | | 2,317 | | 143 | | 31 | | | 112 | | | | | | Chưa phê duyệt quyết toán |
| **III** | **Xã Tân Việt** | | **66,726** | **0** | **66,726** | **0** | **8,508** | **0** | **7,734** | **0** | **0** | **774** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | |

| TT | Danh mục dự án, công trình | Thời gian KC-HT | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: Vốn NSĐP | | | Tổng | KHV đã giải ngân đến 15/12/2025 | | | KHV còn lại năm 2025 | | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: Vốn NSĐP | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Vốn hỗ trợ từ NS cấp trên | Tiền thu sử dụng đất | Nguồn vốn khác | | Vốn hỗ trợ từ NS cấp trên | Tiền thu sử dụng đất | Nguồn vốn khác | Vốn hỗ trợ từ NS cấp trên | Tiền thu sử dụng đất | Nguồn vốn khác | | Vốn hỗ trợ từ NS cấp trên | Tiền thu sử dụng đất | Nguồn vốn khác | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | | | | | 19 |
| 1 | Cải tạo, nâng cấp đường huyện Hồng Lạc -Cẩm Chế đoạn từ cống Hửi - chợ Tân Việt (đoạn 2-gđ1) | 2020-2021 | 12,241 | | 12,241 | | 2,550 | | 2,550 | | | | | | | | | Đã phê duyệt quyết toán |
| 2 | Đường liên xã "Cẩm Chế-Tân Việt-Quyết Thắng (đoạn từ đường huyện Hồng Lạc-Cẩm Chế đến sông Hương) dài 2,285km,GĐ1 | 2020 | 14,957 | | 14,957 | | 625 | | 625 | | | | | | | | | Đã phê duyệt quyết toán |
| 3 | Đường liên xã "Cẩm Chế-Tân Việt-Quyết Thắng (đoạn từ đường huyện Hồng Lạc-Cẩm Chế đến sông Hương) dài 2,285km,GĐ2 | 2020 | 14,921 | | 14,921 | | 778 | | 778 | | | | | | | | | Đã phê duyệt quyết toán |
| 4 | Đường liên xã "Cẩm Chế-Tân Việt-Quyết Thắng (đoạn từ đường huyện Hồng Lạc-Cẩm Chế đến sông Hương) dài 2,285km,GĐ3 | 2021-2022 | 14,980 | | 14,980 | | 212 | | 212 | | | | | | | | | Đã phê duyệt quyết toán |
| 5 | Nhà đa năng trường THCS Tân Việt | 2022-2023 | 7,423 | | 7,423 | | 3,079 | | 3,079 | | | | | | | | | Đã phê duyệt quyết toán |
| 6 | Cải tạo, sửa chữa chùa Linh Ứng, thôn Vạn Tuế; HM: Cải tạo cổng và hàng rào | 2022-2023 | 1,074 | | 1,074 | | 196 | | 196 | | | | | | | | | Đã phê duyệt quyết toán |
| 7 | Sửa chữa sân, bồn hoa NVH thôn Ngọc Lô, xã Tân Việt | 2024 | 300 | | 300 | | 294 | | 294 | | | | | | | | | Đã phê duyệt quyết toán |
| 8 | Cải tạo, nâng cấp đường huyện Hồng Lạc – Cẩm Chế, đoạn từ cống Hửi – Chợ Tân Việt (Đoạn 1 – Giai đoạn 1); Hạng mục: Kè lát mái ta luy bên phải đường huyện Hồng Lạc – Cẩm Chế (Đoạn giáp sông Hương thuộc xã Tân Việt, L=107,5m) | 2020 | 828 | | 828 | | 774 | | | | | 774 | | | | | | Chưa phê duyệt quyết toán |
| **IV** | **Các dự án trong KHV 2021-2025 không còn nhu cầu vốn tại ngày 01/7/2025** | | **101,930** | **20,960** | **80,970** | | | | | | | | | | | | | |